

XÃ HỘI - NHÂN VĂN

NHÂN VẬT TỰ Ý THỨC
TRONG MỘT SỐ TRUYỆN VIỆT NAM SAU 1975

NGUYỄN VĂN KHA*

Tóm tắt

Nhân vật tự ý thức, theo quan điểm của M.Bakhtin là nhân vật với tư cách là một ý thức về bản thân được miêu tả thật sự. Từ quan điểm này của Bakhtin, bài viết phân tích làm sáng tỏ trong văn học Việt Nam sau 1975, nhân vật tự ý thức trong truyện viết về đề tài chiến tranh thể hiện sự tự ý thức của con người về nhân cách, qua những điều đã chiêm nghiệm từ bản thân, từ cuộc sống xung quanh, nhất là cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại mà dân tộc đã trải qua. Qua nhân vật tự ý thức, nhà văn bằng tư duy nghệ thuật chống lại sự “vật hoá” tâm hồn con người; luân lý, đạo đức, cái thiện được nâng đỡ từ sự thức tỉnh của lương tri, của lẽ phải. Với nhân vật tự ý thức, tác phẩm văn học có thêm chiều sâu của sự khái quát và ý nghĩa nhân văn càng thêm sâu sắc.

Từ khóa: nhân cách, nhân vật, tự ý thức

Abstract

The self-aware characters, in M.Bakhtin's view, is the character as a sense of self that is truly described. Based on Bakhtin's theory of poetic, this article analyzes in Vietnamese literature after 1975, self-aware characters in stories about war reflect on themselves and their personalities, through what they have experienced from themselves, from the surrounding life, especially the great people's war the nation has experienced. Through these characters, inspired writers criticize the materialization of the human soul and examine morality, ethics, and how goodness is sustained through self-awareness. With these self-aware characters, literary works have the depth of generalization, and possess profound human meaning.

Keywords: personality, characters, self - awareness

1. Mở đầu

Nói về nhân vật tự ý thức, trong cuốn *Lý luận, thi pháp tiểu thuyết*, M.Bakhtin quan

niệm: “Sự tự ý thức như một trọng tâm nghệ thuật xây dựng hình tượng, tự thân nó đã đủ để phân hóa khối lượng thống nhất của thế giới nghệ thuật độc thoại, nhưng với điều kiện là nhân vật với tư cách là một ý thức về bản thân phải được miêu tả thật sự, chứ không phải là chỉ được biểu hiện, tức là nhân vật không hòa lẫn

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Văn Kha (Email: khanv@hiu.vn)

với tác giả, không trở thành cái loa phát tiếng nói tác giả, và như thế là những trọng tâm trong ý thức của nhân vật thực sự phải được khách thể hóa và ngay trong tác phẩm phải có khoảng cách giữa nhân vật và tác giả” [1, tr.247].

Sau 1975, nhất là từ năm 1986, trong xu thế đổi mới của xã hội Việt Nam sau Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, đổi mới tư duy nghệ thuật đặt ra một yêu cầu trong sáng tác của nhà văn là “nhận thức lại, kiến giải lại, đánh giá lại” [13, tr.26]. Vấn đề quan niệm về con người, nhận thức và lý giải về đời sống con người trong tình hình mới trở thành vấn đề trung tâm thu hút sự chú ý của nhà văn. “Phải xây dựng, khôi phục lại tất cả những tính cách đã bị những điều kiện ngặt nghèo trong chiến tranh làm cho phần nào méo mó đi, chỉ ít cũng mất bình thường đi. Như vậy đã đến lúc phải nhìn nhận lại, đánh giá lại mọi con người cùng sự việc cho công bằng, chính xác hơn, khôi phục lại những nguyên tắc đạo đức, những quy tắc làm người, nhất là con người mới xã hội chủ nghĩa cho đầy đủ và đúng nghĩa hơn” [15]. Nguyễn Minh Châu trong bài viết “Tính trung thực nghệ sĩ” cho rằng: “Dân tộc Việt Nam ngày nay như một con người vừa đi lên phía trước vừa tự nhìn mình” [2, tr.143]. Lê Ngọc Trà nói về một đặc điểm của văn học Việt Nam: xu hướng trở lại với đời thường, với số phận riêng, tác giả cho rằng “Việc đi sâu vào thế giới tinh thần của con người, vào quá trình tự ý thức của nó đã góp phần củng cố thêm sự hình thành con người cá nhân trong xã hội Việt Nam” [16, tr.143].

Đề cập đến sáng tác của nhà văn liên quan đến nhân vật tự ý thức, Lê Tiến Dũng trong bài “Bước phát triển của văn xuôi Việt Nam sau

năm 1975” có nhận xét: “Người ta thấy con người sám hối, con người thức tỉnh, con người nhận đường và đầy suy tư dằn vặt trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu” [5, tr.303]. Nguyễn Như Trang và Ngô Thu Thủy nghiên cứu về giọng điệu trần thuật trong *Thời xa vắng* của Lê Lưu cho rằng “*Thời xa vắng* là tác phẩm tiêu biểu, đánh dấu tên tuổi của Lê Lưu trong làng văn học Việt Nam hiện đại, mở đầu cho khuynh hướng nhận thức lại trong văn học Việt Nam sau 1975” [17, tr.25]

Từ ý kiến của nhà văn, của người nghiên cứu cho thấy trong văn học Việt Nam sau 1975 đã xuất hiện kiểu nhân vật tự ý thức. Trong văn học hiện đại Việt Nam, nhân vật tự ý thức đã có trong sáng tác của Nam Cao, Vũ Trọng Phụng,... Trong văn học Việt Nam sau 1975, sự xuất hiện của kiểu nhân vật tự ý thức chứng tỏ đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại được tiếp tục trong mảng truyện Việt Nam sau 1975. Với ý nghĩa đó, bài viết tập trung tìm hiểu biểu hiện của kiểu nhân vật tự ý thức trong văn học Việt Nam sau 1975 với nhan đề: “Nhân vật tự ý thức trong một số truyện Việt Nam sau 1975”.

Thuật ngữ “nhân vật tự ý thức” được sử dụng trong bài viết dựa trên ý kiến của M.Bakhtin “Sự tự ý thức như một trọng tâm nghệ thuật xây dựng hình tượng” [1, tr.247], “với điều kiện là nhân vật với tư cách là một ý thức về bản thân phải được miêu tả thật sự, chứ không phải là chỉ được biểu hiện, tức là nhân vật không hòa lẫn với tác giả, không trở thành cái loa phát tiếng nói tác giả” [1, tr.247]. Đây cũng là tiêu chí để lựa chọn tác phẩm thuộc thể loại truyện (tiểu thuyết, truyện ngắn) trong văn học Việt Nam sau 1975 trong phạm vi khảo sát của đề tài.

Bài viết vận dụng phương pháp lịch sử và thi pháp học, tập trung làm sáng tỏ vấn đề nói trên để thấy rõ hơn ý nghĩa xã hội, nhân sinh của mảng truyện với kiểu nhân vật tự ý thức trong văn học Việt Nam sau 1975.

2. Nội dung

2.1. *Tiếng nói tự ý thức về đời sống riêng tư của những con người đã trải qua chiến tranh*

Trong truyện Việt Nam sau 1975 có một hiện tượng đáng chú ý là một số nhà văn ngược thời gian viết về đời sống riêng tư của những con người đã trải qua chiến tranh như là tiếng nói tự nhận thức về bản thân. Tiêu biểu là các tác phẩm: *Sống với thời gian hai chiều* của Vũ Tú Nam, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của Nguyễn Minh Châu, *Thời xa vắng* của Lê Lựu.

Trong *Sống với thời gian hai chiều*, qua nhân vật An, nhà văn mô tả đời sống tinh thần của một con người đã kinh qua hai cuộc kháng chiến. Tác giả đặt nhân vật vào thời điểm ông An xấp xỉ tuổi 60. Với đời người, đó là mốc thời gian con người hay ngoái lại nhìn quá khứ. Ông An đã hơn ba mươi lăm năm xa người thân, xa quê hương vì những điều vừa riêng vừa chung: quan hệ tình cảm với cô Ngân không thành, vì hoàn cảnh kháng chiến ông phải đi xa biệt lập,... Chỉ mấy hôm trở lại quê nhà, ông đã sống với bao kỷ niệm của quá khứ từ những điều bất gặp trong hiện tại. Nhân vật hồi tưởng từ giòng họ (ông bà cố) đến những người thân, bạn bè và chuyện riêng tư của chính mình. Kinh nghiệm sống của bản thân được ông đúc kết qua từng mảng hồi ức: “Chao ôi! mấp mé sáu mươi tuổi đầu, ta chưa đủ sức làm đúng nhiệm vụ một người chồng, một người cha! Những điều xưa nay

ta tưởng rất dễ dàng, đơn giản (như nuôi con, dạy con...) té ra là không như vậy. Nhiều sự việc đã khiến ta sáng mắt, ta hiểu được thêm nhưng tiếc thay khi đã tích lũy được ít nhiều từng trải thì tuổi tác và sức khỏe hầu như không cho phép ta làm lại hoặc làm được gì thêm nữa. Còn gì chán ngán bằng sống theo thói quen, hôm nay chẳng khác hôm qua, và ngày mai lại giống in như thế” [12, tr.340]. *Sống với thời gian hai chiều* là cuộc hành trình trở lại với bản thân, với gia đình, giòng họ. Hóa ra thời nào cũng thế, con người ngấm cho cùng đều sống và nghĩ suy theo cung cách của thời đại mình. Thời trẻ, ông An đã sống trong bầu không khí đầy sôi động của đất nước. Ông đã từng: “Đi vào cách mạng, lòng luôn luôn phơi phới, tưởng như cái gì cũng đơn giản, dễ dàng” [12, tr.326]. Đó là thời kỳ cái “tôi” cá nhân phụng sự cái “ta”, vì lẽ tồn vong của dân tộc. Chiến tranh đi qua, cuộc sống trở về với hoàn cảnh bình thường. Thời thế đã thay đổi, con người sống, làm việc theo cung cách mới. Bao nhiêu quan hệ mới đặt con người vào thế ứng xử, lựa chọn. Trước dòng đời, dòng thời gian, ông An đã suy ngẫm: “Thế là lần lượt: cô, bác, rồi thầy, mẹ, cậu, mợ mình đã theo nhau ra đi hết cả. Các cụ như những lớp lá khô trút xuống trở về với đất. Và đến lượt cánh mình phơi ra giữa trời như những lớp lá già, che nắng, che sương, chuẩn bị cho những chồi non. Chồi non là con mình, cháu mình, chắt mình. Chúng nó đi xuôi thời gian, các cụ ngược về dĩ vãng. Còn mình thì đứng giữa ư? Hay theo hướng nào” [12, tr.326]. *Sống với thời gian hai chiều* là bản “kiểm điểm” chân thành và xúc động về đời tư của một con người trước dòng chảy thời cuộc.

Mỗi cá nhân, trải qua trường kỳ kháng chiến gian khổ, từ những thành quả đạt được

trong đời người, đang ngẫm nghĩ về bản thân. Trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, từ hồi ức, nhân vật Quỳnh nghĩ về những năm tháng ở Trường Sơn, về người lính: “Tôi thật ngu dại với những người đàn ông đáng quý nhất trong số những người đáng quý ấy, tôi đã không coi họ là những người đang sống giữa cuộc đời, mà lại đòi hỏi nơi họ một thánh nhân. Tôi đã tìm cái tuyệt đối không bao giờ có” [3, tr.169]. Hiểu những được mất, thành bại, những giá trị có được của đời sống từng cá nhân và cộng đồng cũng có nghĩa là mỗi người đang thực hiện hành động tự giải phóng. Từ những điều chiêm nghiệm, mỗi người hiểu thêm về bản thân mình, về người thân, về nhân dân: “Hóa ra cuộc sống từ bao đời là như thế, con người là một sự kết tinh của những tinh hoa. Hóa ra thời nào cũng có những con người như anh ấy, tập trung trí tuệ và tài năng trác tuyệt của nhân dân và mang trong lòng tất cả những khát vọng cháy bỏng của nhân dân” [3, tr.188].

Người lính Giang Minh Sài (nhân vật chính của tác phẩm *Thời xa vắng* của Lê Lựu) được nhà văn thể hiện với quãng đời riêng, số phận riêng. Trải qua thử thách của cách mạng và hai cuộc kháng chiến, anh Sài đã trưởng thành. Điều đáng nói là hành trang tinh thần đó, cuộc sống riêng tư của người lính Giang Minh Sài lại là động lực, là nguyên nhân cho mọi sự lựa chọn trong cuộc đời của chính anh. Từ thân phận của một con người như Giang Minh Sài, hình tượng nhân vật toát lên một thông điệp: tầm lớn lao của cuộc cách mạng mà chúng ta đang theo đuổi không phải chỉ là phấn đấu về lập trường, quan điểm, về tinh thần tập thể hay lý tưởng,... mà, trong khi từng bước đi đến mục đích cao cả của cuộc cách mạng, không được bỏ rơi những con người bình thường. Sự phát triển của xã hội không thể tách rời hạnh phúc

của mỗi cá nhân, mỗi người bình thường. Một nhân vật trong *Thời xa vắng* đã nói: “Hãy đòi hỏi mỗi con người sự cống hiến cao nhất khi xã hội cần, tập thể cần. Đến khi tập thể quan tâm đến người ta thì cũng phải quan tâm đến cái người ta cần, chính người ta đòi, người ta khát chứ không phải mình quan tâm đến cái mình muốn ở người” [11, tr.129].

Sau năm 1975, chiến tranh đã kết thúc, đất nước, con người biết bao thay đổi. Một vấn đề đặt ra: sự thay đổi đó với mỗi cá nhân được nhận thức như thế nào? Mỗi cá nhân phải tự vận động để hòa nhập vào cuộc sống mới, phải sống sao cho phải, cho đúng với hoàn cảnh xung quanh đang đổi thay từng giờ, từng ngày, để bản thân mỗi người không bị đánh mất mình trong dòng chảy của đời sống? Cùng với thời gian, mỗi người vẫn giữ được mối quan hệ với quá khứ, hiện tại và tương lai, với người thân, bạn bè, đồng nghiệp, với gia đình giòng họ, với thế hệ kế tiếp, v.v. Trong hoàn cảnh như vậy, sự tự ý thức giúp con người hiểu mình hơn và từ đó làm chủ được bản thân. Tự ý thức trong truyện Việt Nam sau 1975 như là sự nghiền ngẫm, rút ra những kinh nghiệm sống, “gắn liền với sự tự ý thức của mỗi người về nhân cách” [14, tr.487], để hiểu rõ hơn cái “tôi” và cái “ta”, cá nhân và cộng đồng. Con người cá nhân trong mảng truyện sau 1975, được thể hiện ở kiểu nhân vật tự ý thức, biết đánh giá đúng hơn giá trị người qua những điều đã chiêm nghiệm từ bản thân, từ cuộc sống xung quanh, nhất là cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại mà dân tộc đã trải qua. Đó là kết quả vận động của ý thức xã hội, cũng là dấu hiệu trưởng thành của ý thức con người trong quá trình tự ý thức về bản thân, về vai trò chủ thể trong xã hội và trong đời sống.

2.2. Nhân vật tự ý thức là biểu hiện của lòng tự trọng, hướng về sự hoàn thiện nhân cách

Truyện Việt Nam sau 1975 thể hiện đậm nét xu hướng hướng nội. Nhân vật lên tiếng nói tự ý thức, chống lại sự vô cảm, tha hóa.

2.2.1. Sự vật lộn, tự tra vấn là dấu hiệu thức tỉnh của lương tri trước nguy cơ nhân tính đang bị xói mòn, con người đang bị tha hóa

Chiến tranh qua đi, mọi người hồi hả lao vào cuộc sống mới. Nhu cầu đời thường nảy sinh, trong đó không loại trừ cả tâm lí quay ngoắt lại với một thời “nằm mặt nằm gai”, chia bùi sẻ ngọt cho nhau trong những ngày kháng chiến gian khổ. Điều này trên thực tế đã xảy ra. Vì những lo toan, “chụp giựt”, chạy theo nhu cầu thực dụng hàng ngày, có người sẵn sàng quên đi những người đã từng đùm bọc, che chở trong những ngày kháng chiến. Giữa những biến động của đời sống tưởng như cuốn hút tất cả tâm lực con người vào trong đó vẫn có những người cảm bút thồn thức, trăn trở trên trang viết nặng tình với quá khứ, như “nhu cầu muốn được tâm sự, được giải bày và được chia sẻ cho người thân” về nỗi day dứt của mình trước những thay đổi của con người trong thời hậu chiến. Với những điều trước đây mình nghĩ chưa đúng, hoặc trước những biểu hiện của nó mình phải che chắn, không dám nhìn thẳng vào bản chất của sự việc, của con người thì giờ đây, khi cuộc sống đã trở về với hoàn cảnh bình thường, người viết lại có dịp suy ngẫm, chiêm nghiệm. Nguyễn Khải tâm sự: “Lắm ngày ngồi đọc lại hay nghĩ lại về những tác phẩm mình đã viết trong mấy chục năm qua, nhiều trang viết vẫn còn làm tôi hãnh diện và có nhiều trang viết đã làm tôi xấu hổ và rất buồn. Những trang viết chủ quan, kiêu

ngạo, chỉ khẳng định có một niềm tin, một lẽ sống rồi dạy dỗ, rồi lên án, rồi chế giễu tất cả những gì khác biệt với mình, đọc lại thấy đáng sợ. Thế giới như nhỏ lại, nhặt đi, căng thẳng”[10]. Đây cũng là biểu hiện của sự tự trọng ở người cầm bút.

Cuộc đấu tranh bên trong từng con người, quả thật là một cuộc vật lộn, sự tra vấn mình trước “tòa án của lương tri”. Nhân vật của Nguyễn Minh Châu trong các truyện *Bức tranh*, *Cỏ lau*; bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm trong *Tình yêu tội lỗi* của Hoàng Lai Giang thực sự là những con người dám nhìn thẳng vào sự thật, đấu rằng sự thật đó là nghiệt ngã với chính bản thân họ.

Trong *Bức tranh*, người họa sĩ đối diện với người thợ cắt tóc là nhân chứng của việc làm mà lương tâm người họa sĩ đang cắn rứt. Trong đầu anh đã diễn ra sự đối thoại ngầm. Anh tự nghĩ ra những lời xỉ vả, trách móc của anh lính giải phóng năm xưa và lời tự bào chữa của chính mình. Rồi lại để cho sự trách móc, xỉ vả trở lại như là tội lỗi không thể che giấu được. Nghĩa là sự thật đã phơi bày, lương tâm anh đã lên tiếng, nhân vật nhận ra bộ mặt thật của mình: “Có lẽ thật thế, trong con người tôi đang sống lẫn lộn người tốt, kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ”[3, tr.108]. Ở trường hợp này, lương tri, sự thật lên tiếng, nhân vật thật sự sống với chính mình, bày tỏ hết những băn khoăn, dằn vặt tâm sự riêng. Người đọc bắt gặp những nỗi niềm thực, những giằng xé, phán xét đến nghiệt ngã, tự mổ xẻ chính bản thân nhân vật có khi như là sự “tự trừng phạt”.

Con người có nhân cách chính là con người biết sám hối. Mọi sự dối trá, xảo quyệt chỉ có thể tạm thời che đậy, đối phó trước áp lực của dư luận, nhưng không đánh lừa được

lượng tri và thời gian. Nhân vật Chương (trong *Gặp gỡ cuối năm*) thú nhận: “Đã từ lâu, từ nhiều năm nay tôi không còn ao ước làm người hùng nữa ...Còn tôi, chỉ những thất bại là thất bại, đến làm chồng làm cha còn không được thì làm gì cho nên” [9, tr.222].

Ở tác phẩm *Tình yêu và tội lỗi*, Nguyễn Phúc Tâm là con người có văn hóa, được đào tạo từ tế (anh là bác sĩ) nhưng lại rơi vào những cảnh ngộ éo le. Trước những tình huống, những thử thách, Nguyễn Phúc Tâm đã huy động hết khả năng hiểu biết, cả bản lĩnh của mình để lựa chọn cách ứng xử khôn khéo nhất. Thế nhưng lương tâm người bác sĩ ấy vẫn luôn dằn vặt. Đây là những trăn trở, tự vấn của Nguyễn Phúc Tâm sau khi quan hệ với Loan. Anh nghĩ rằng, mình đã hại cuộc đời của Loan: “Ta có biết rằng vì ta cô ấy sẽ có mang? Ta có hiểu rồi sau đó, mọi người sẽ nguyên rửa cô ấy, đơn vị kỷ luật cô ấy, chắc chắn Nguyễn Dậu sẽ không buông tha... Ta có nghĩ thế không?” [7, tr.159]. Rồi anh tự thú nhận: “Ta có nghĩ như thế -Ta sợ điều đó. Nhưng chính ta lại mắc vào tội lỗi. Đúng ra, ta đã không giữ được ta lúc ấy. Lúc ấy ta không còn là một bác sĩ có nhân cách và tinh táo nữa” [7, tr.159]. Quả thật, cuộc đấu tranh nội tâm, tự mổ xẻ mình trước ánh sáng của lương tri là cuộc vật lộn quyết liệt. Như lời một nhân vật của nhà văn Trần Văn Tuấn đã thú nhận: “Làm người lớn mệt nhất ở chỗ phải xử lý những mối quan hệ như thế nào cho đúng với tuổi tác và hoàn cảnh. Phải sống thế nào cho đúng nghĩa trung thực” [18, tr.149].

Trong một số truyện Việt Nam sau 1975 viết về đề tài chiến tranh, người đọc bắt gặp những cuộc “vật lộn”, tự “phân thân” để hướng tới vẻ đẹp tâm hồn, của nhân cách qua các nhân vật như: nhà văn trong *Sấm vai*, người sĩ

quan quân đội trong *Hạng* của Nguyễn Minh Châu; Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh; Xoay trong *Tiễn biệt những ngày buồn* của Trung Trung Đĩnh. Thông cảm với sự trăn trở của những ai hôm qua sa ngã, lạc lối, đi vào ngõ cụt của cuộc đời, Võ Phi Hùng, Khôi Vũ đã thể hiện trên trang viết của mình cuộc đấu tranh đi đến lẽ phải, điều thiện từ đời sống bên trong và bằng hành động trong thực tế. Bên trong, nhân vật tự kết án mình trước những sai lầm, những hèn nhát, ích kỷ để thức tỉnh lương tri. Bên ngoài, nhân vật đối mặt với quá khứ mà thực chất là đối đầu với sự trả thù của các thế lực hắc ám, có lúc, có nơi phải trả giá bằng chính cuộc đời. Con đường đấu tranh đi đến cái thiện ở trong mỗi con người không chỉ có lương tâm trừng phạt mà còn có cả máu và nước mắt. Đó là sự thật nghiệt ngã mà nhà văn đã không lẩn tránh trong *Sự nghiệt ngã lúc quay về* (Võ Phi Hùng), *Chuyện ở dãy phố Năm căn* (Khôi Vũ).

2.2.2. Tự ý thức là “thước đo” nhân cách con người

Trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu, người đọc bắt gặp những hình ảnh của nội tâm con người: khi là ánh sáng hàng nghìn nến (của kí ức người họa sĩ trong *Bức tranh*), khi là đáy sâu của lương tri “đã nứt ra một cái khe hẹp” và một người say (lão Toan trong *Mảnh đất tình yêu*) đã “tỉnh”, chợt thấy buồn. Có khi là thế giới riêng của người đàn bà: “Chị đang đáp con tàu mộng du lang thang đi tìm kiếm cái chân trời của những giá trị tuyệt đối hoàn mỹ, những con người tuyệt đối hoàn mỹ, cái điều chẳng bao giờ có, cơn khát cháy lòng của một tâm hồn đàn bà quá ham hố” [3, tr.192]. Quá trình tự ý thức của nhân vật được tác giả thể hiện là một quá trình tâm lý phức tạp. Nhân

vật đối diện với chính mình, phải tự vật lộn, cái tâm phải sáng mới hòng thoát khỏi “mê cung” của bao nhiêu thứ nguy biến, che đậy những tội lỗi do sự nhỏ nhen, ích kỉ, hèn nhát gây ra. Và thật thế, các nhân vật trong truyện của Nguyễn Minh Châu như người họa sĩ trong *Bức tranh*; Quý, kỹ sư Ph. trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*; Hạng trong truyện ngắn *Hạng*, v.v đều phải “dấn thân” cho sự tìm kiếm điều tốt đẹp, điều cao cả trong đời. Phan trong *Mảnh đất tình yêu* đã nghiệm ra điều này qua lời tâm sự với Quy về lẽ phải, về điều thiện: “Quy ạ, cháu phải nên nhớ rằng đời sống rất nghiêm khắc. Chân lí cuộc sống, muốn đi đến luôn luôn phải trả giá bằng nhân cách và bản lĩnh, chứ chẳng dễ đâu!” [4, tr.152].

Trong các truyện *Bức tranh*, *Cỏ lau*, nhân vật là những người đã từng trải: một họa sĩ đã lăn lộn ở Trường Sơn trong những năm chiến tranh và đã có tác phẩm gửi đi dự triển lãm ở nước ngoài (*Bức tranh*), người lính đã đi qua hai cuộc kháng chiến (Lực trong *Cỏ lau*). Họ đang tự thú trước lương tâm, đang giải bày những băn khoăn day dứt, những chiêm nghiệm trong đời.

Trong *Bức tranh*, những băn khoăn, day dứt của người họa sĩ dẫn đến sự ân hận, tự thú, chứng tỏ sự thật đã thắng thế. Tác giả đã làm nổi bật sự trung thực, dám nhìn thẳng vào sự thật, cho dù quá khứ ấy đã đi qua: “Nếu tôi là một người tử tế ra thì không khéo bà cụ không bị lừa, không những thế mà tôi có thể làm cho bà cụ khỏe ra? Chính tôi đã làm cho bà mẹ anh trở thành mù lừa” [3, tr.103]. Cũng như người họa sĩ trong *Bức tranh*, hành động tự thú của Lực trước linh hồn Phi trong *Cỏ lau* là sự thắng thế của lương tri, là bằng chứng của sự “vượt ngã” đầy tính nhân văn khi con

người tự mình “mở xẻ”, “soi rọi” đối mặt với chính mình. Đây là biểu hiện của nhân cách làm người, là kết quả của sự ăn năn, chứng tỏ sự sáng suốt, mãi tiếp đầy niềm tin vào phẩm giá con người của nhà văn.

Hoàng Lại Giang viết về những con người phán xét hành động của mình, tự đối thoại, lục vắn và cảnh tỉnh chính mình. Ngòi bút của ông rất “nhạy” khi tham dò những biến động của nội tâm trước sự dồn đẩy âm thầm và quyết liệt của lương tri. Ông mạnh dạn đưa ra cách nhìn, cách đánh giá con người gắn với hoàn cảnh, với chiều sâu của sự phân thân, mở xẻ bản thân. Tác giả lấy việc tự ý thức làm tiêu chuẩn, “thước đo” trong đánh giá nhân cách con người. Theo Hoàng Lại Giang: “Cái thước đo nhân cách mỗi con người chính ở chỗ biết sám hối, biết nhìn nhận những điểm nhục của chính mình. Ranh giới giữa người có nhân cách và phi nhân cách là ở điểm này đây” [8, tr.115]. Nhân vật của Hoàng Lại Giang trước những lỗi lầm đã nghiêm túc, chân thành nhìn lại mình. Từ vị tướng lĩnh đến người lính bình thường đều rất băn khoăn trước những sai lầm mà họ đã vấp phải. Tướng Phương trong *Ranh giới đời thường* đã mặc cảm về tội lỗi không giữ trọn vẹn nhân cách, để cho tình cảm, sinh lý lấn át. Chưa một lần ông có ý định báo cáo thật với tổ chức, với Đảng, nhưng với người vợ hiền, chung thủy thì ông tự nhủ sẽ không giấu giếm gì với bà. Nhưng bà đã qua đời sớm. Ông có ý định thú nhận tất cả với đứa con trai mà trong đáy lòng ông rất tôn trọng, luôn luôn coi nó là người bạn tri kỷ: “Nó cần phải biết, nó có một đứa em gái nữa: Xary, ngoài cái Thủy. Ông nghĩ, nếu không, biết đâu nó lại không rơi vào tội lỗi như thằng Linh? Cuộc đời có nhiều điều không lường trước được” [8, tr.114]. Nhân vật Nguyễn Phúc Tâm, sau những dằn vặt về

quan hệ của mình với Loan, anh vẫn tự cảm thấy sự tự trừng phạt như vậy là chưa đủ: “Ta chưa bị trừng trị gì cả vì vậy, ta cảm thấy mình bị hành hạ” [8, tr.160].

Sự miêu tả “cuộc đấu tranh” nội tâm của nhân vật ở những truyện kể trên cho thấy chiều sâu của đời sống bên trong của con người, vừa chứng tỏ sự “phản tỉnh” ở mỗi con người là một quá trình không dễ dàng. Con đường dẫn đến cái đẹp đầy chông gai. Cái đẹp không chỉ là vật bí ẩn mà còn khủng khiếp. Ở đây quý vật lộn với thần và chiến trường là trái tim con người (Dostoievski).

Với sự tự ý thức trong các tác phẩm đã trình bày ở trên, nhà văn đã cảnh tỉnh một kiểu suy nghĩ về con người rất máy móc và cứng nhắc khá phổ biến một thời. Con người không phải là cỗ máy, lại càng không phải là thánh thần. Trước cuộc sống đầy những biến động với bao cảnh ngộ, tình huống oái oăm, con người phải huy động hết khả năng đề đối phó với hoàn cảnh. Sự đương đầu đó cũng có thành công, thất bại, có vinh, có nhục. Những sai lầm khờ dại của con người có những điều do khách quan, cũng không ít những sai lầm do chính mình. Vấn đề là, từ những sai lầm, va vấp trên đường đời, con người đã chân thành nghiêm túc nhìn lại mình như thế nào. Vì thế, sự xuất hiện của kiểu nhân vật tự ý thức ở một số truyện trong văn học hiện đại Việt Nam sau 1975 như một đề nghị về cách nhìn nhận, đánh giá con người gắn với đời hơn, rộng lượng với những sai lầm, vấp ngã của mỗi người trong cuộc sống, biết tôn trọng nhân cách, cá tính của con người.

3. Kết luận

Sự đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người dẫn đến sự thay đổi về điểm nhìn nghệ thuật, về cảm hứng chủ đạo, thể hiện thái độ

chân thực của người cầm bút trong việc khám phá, phát hiện con người trên bình diện tự ý thức ở mảng truyện trong văn học Việt Nam sau 1975. Nhà văn xây dựng hình tượng nhân vật tự ý thức trong truyện Việt Nam giai đoạn sau 1975 là xuất phát từ hoàn cảnh thực tế. Trước đây, trong những năm chiến tranh, hiện thực chiến tranh khắc nghiệt, xung đột được bộc lộ rõ ràng. Hiện thực chiến tranh định hướng cho người sáng tác nhận thức, đánh giá con người chủ yếu và trước hết trên phương diện địch - ta, chính nghĩa - phi nghĩa, tốt - xấu. Giờ đây (sau 1975), cuộc sống trở về với quy luật bình thường, những mối quan hệ của đời sống xã hội, nhân sinh không dễ dàng nắm bắt, càng khó xác định thật rõ ràng. Con người trong những mối quan hệ hàng ngày phong phú và đa dạng, không chỉ bị chi phối bởi những mối quan hệ xung quanh (với gia đình, với xã hội, với tự nhiên) mà chính bản thân nó cũng là một “vũ trụ”. “Chuẩn mực để định giá con người không thể chỉ dựa vào vị trí và loại hình xã hội quen thuộc của nhân vật mà phải đi vào phẩm chất và bản chất của từng cá thể, trong từng cảnh ngộ” [6, tr.207].

Với kiểu nhân vật tự ý thức, các nhà văn: Vũ Tú Nam, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Lê Lựu, Hoàng Lại Giang, Chu Lai, Bảo Ninh,... bằng tư duy nghệ thuật chống lại sự chai cứng, sự “vật hoá” tâm hồn con người. Nhà văn thông qua nhân vật tự ý thức giúp con người thoát khỏi sự khống chế của hiện tượng “kỵ kỵ - ái kỵ”, thoát khỏi hình ảnh hoàn toàn xấu hoặc là hoàn toàn tốt mà con người tự nghĩ về mình. Đây là cách tư duy thể hiện ý thức tự chủ đang thâm nhập trong đời sống riêng của mỗi người, cũng có nghĩa là con người đang đi trên con đường tự giải phóng. Mặt khác, với sự tự ý thức, con người tự mình chiếu rọi thứ

ánh sáng không tư vị vào đời sống bên trong của chính mình. Luân lý, đạo đức, cái thiện càng được nâng đỡ từ sự thức tỉnh của lương tri, của lẽ phải. Nhờ thế, tư duy dân chủ có điều kiện và khả năng phát triển trong đời sống và trong sinh hoạt xã hội. Hiểu như vậy cho thấy sự xây dựng kiểu nhân vật tự ý thức nhà văn không chỉ góp tiếng nói vào sự xã hội hóa con người mà còn mở ra cái nhìn nhân văn về con người. Với nhân vật tự ý thức, tác phẩm văn học có thêm chiều sâu của sự khái quát và ý nghĩa nhân văn càng thêm sâu sắc.

Nghệ thuật miêu tả nhân vật tự ý thức của truyện Việt Nam sau 1975 viết về đề tài chiến tranh có những điểm nổi bật như: điểm nhìn nghệ thuật, miêu tả tâm lý (giác mơ, độc thoại nội tâm), cá thể hóa ngôn ngữ nhân vật, sử dụng chi tiết nghệ thuật, v.v. Với cách làm này, nhà văn xây dựng nhân vật “tự do và độc lập một cách tương đối” như M. Bakhtin quan niệm. Do khuôn khổ của bài viết không cho phép, chúng tôi sẽ trình bày về phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật tự ý thức trong một bài viết khác.

Với kiểu nhân vật tự ý thức, truyện Việt Nam sau 1975 đã góp tiếng nói vào việc xã hội hóa con người. Nhân vật trong tác phẩm không phải là “cái loa” phát tiếng nói của nhà văn mà là một ý thức về bản thân đã được miêu tả thật sự, trở thành người đối thoại thông minh cùng độc giả trên đường tìm kiếm sự thật, chân lý.

Văn xuôi Việt Nam thời kỳ đổi mới, nhờ quán triệt nguyên tắc nhân bản, nhà văn đã lý giải một cách thuyết phục về lòng yêu nước, cất nghĩa với chiều sâu nhân văn về đời tư, thế sự, trong đó đáng chú ý là sự quan tâm đến vấn đề đạo đức, nhân cách con người. Truyện Việt Nam sau 1975 qua sự thể hiện nhân vật tự ý

thức làm nổi bật cảm hứng đạo đức là một điểm sáng của văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

Cuộc sống sôi động của xã hội Việt Nam thời kỳ Đổi mới với chủ trương huy động mọi nguồn lực, coi trọng và phát huy các giá trị truyền thống trong đó có sức mạnh của ngòi bút đội ngũ nhà văn. Thiết nghĩ kiểu nhân vật tự ý thức sẽ được nhà văn tiếp tục sáng tạo làm nên những tác phẩm với cảm hứng đạo đức, tiếp sức cho cuộc đấu tranh chống tiêu cực, nguy cơ sự xuống cấp về nhân tính trong xã hội Việt Nam hiện nay, hướng con người về cái chân - thiện - mỹ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bakhtin, M (1992). *Lý luận, thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch. Hà Nội, Bộ Văn hóa Thông tin và Thể thao - Trường viết văn Nguyễn Du xuất bản.
- [2]. Nguyễn Minh Châu (1987), Tính trung thực nghệ sĩ, in trong sách *Trang giấy trước đèn*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 2002.
- [3]. Nguyễn Minh Châu (1983). *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*. Hà Nội, Nxb Tác phẩm mới.
- [4]. Nguyễn Minh Châu (1987). *Mảnh đất tình yêu*, Nxb Tác phẩm mới.
- [5]. Lê Tiến Dũng (1991). Bước phát triển của văn xuôi Việt Nam sau năm 1975, in lại trong *Nhà phê bình và cái roi ngựa*. TP Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2004.
- [6]. Hà Minh Đức (1990). Những chặng đường phát triển của văn xuôi cách mạng. Văn nghệ, số ra ngày 18/8/1990, tr.3, in lại trong: *Khảo luận văn chương*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1997, tr. 196 - 214.

- [7]. Hoàng Lại Giang (1988). *Tình yêu và tội lỗi*. Long An: Nxb Long An.
- [8]. Hoàng Lại Giang (1990). *Ranh giới đời thường*. Long An, Nxb Long An.
- [9]. Nguyễn Khải (1985). *Gặp gỡ cuối năm*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- [10]. Nguyễn Khải (1995), Nếu trái tim tôi chưa nguội lạnh, *Tuổi trẻ chủ nhật*, số 30/1995
- [11]. Lê Lựu (1986). *Thời xa vắng*. TP Hồ Chí Minh, Nxb TP Hồ Chí Minh
- [12]. Vũ Tú Nam (1985). *Sống với thời gian hai chiều*, in trong tập *Mùa xuân tiếng chim*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- [13]. Nguyễn Ngọc (1990). Đôi nét về một tư duy văn học mới đang hình thành. *Tạp chí Văn học*, 4/1990.
- [14]. Trần Đình Sử (1986). Máy ghi nhận về sự đổi mới của tư duy nghệ thuật và hình tượng con người trong văn học ta thập kỷ qua. *Tạp chí Văn học*, 6/1986.
- [15]. Hồ Phương (1989). Nhớ tiếc một tài năng văn học. *Nhân dân* (ra ngày 29/1/1989)
- [16]. Lê Ngọc Trà (1991). *Văn chương thẩm mỹ và văn hóa*. TP Hồ Chí Minh, Nxb Giáo dục, 2007.
- [17]. Nguyễn Như Trang và Ngô Thu Thủy (2010). Lê Lựu và giọng điệu trần thuật trong *Thời xa vắng*. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 312, tháng 6/ 2010.
- [18]. Trần Văn Tuấn (1986). *Qua tuổi hai mươi*. TP Hồ Chí Minh, Nxb Phụ nữ.

Ngày nhận bài: 21/03/2022

Ngày gửi phản biện: 23/03/2022

Ngày duyệt đăng: 10/04/2022